TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 50/2019/HSST Ngày 20-8-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Kim Quý.

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị T Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự T2 lý số: 46/2019/ TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. TRỊNH THỊ T1 - sinh năm 1959 tại xã P, huyện C, Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu B, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trịnh Văn T (đã chết) và bà Đào Thị Đ - sinh năm 1939; Bị cáo không có chồng; Bị cáo có 01 con sinh năm 1990; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt (Danh chỉ bản số: 066 do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 01/02/2019).

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú*" ngày 01/02/2019, hiện đang tại ngoại tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. "Có mặt".

2. NGUYỄN THỊ T - sinh năm 1971 tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu 5, xã H, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng ; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1946; Có chồng là Nguyễn Ngọc Đ - sinh năm 1965 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1990 và nhỏ

nhất sinh năm 2003; Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2015/HSST ngày 20/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ quyết định: Nguyễn Thị T phạm tội trộm "Đánh bạc", xử phạt T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), buộc T nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm (T đã thi hành xong số tiền phạt và án phí tháng 10/2015).

(Danh chỉ bản số: 036 do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 28/01/2019).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 26/01/2019, áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* ngày 01/02/2019, hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. "Có mặt".

3. NGUYỄN ĐÌNH T - sinh năm: 1970 tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu Đ, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đình Cẩn và bà Phan Thị Quế (đều đã chết); Có vợ là Hà Thị T - sinh năm 1970 và có 02 người con, lớn sinh năm 1991 và nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt (Danh chỉ bản số: 037 do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 28/01/2019).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 26/01/2019, áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* ngày 01/02/2019, hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. "Có mặt".

4. HOÀNG VĂN T2 - sinh năm: 1977 tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu 5, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Hoàng Anh T - sinh năm 1954 và con bà Phan Thị K - sinh năm 1955; Có vợ là Nguyễn Thị L - sinh năm 1979 và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014 ; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt (Danh chỉ bản số: 99 do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 06/3/2019).

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* ngày 04/02/2019, hiện nay đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. "Có mặt".

5. BÙI NGỌC S - sinh năm: 1991 tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu Đ, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn V - sinh năm 1964 và con bà Đỗ Thị T - sinh năm 1964; Có vợ là Đỗ Thị Huyền T - sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt (Danh chỉ bản số: 100 do Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập

ngày 06/3/2019).

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú*" ngày 04/02/2019, hiện nay đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. "Có mặt".

Người có quyền lợi liên quan:

- Anh Bùi Văn V - sinh năm 1964, Địa chỉ: Khu Đ, xã H, huyện C, Phú Thọ.

- Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1979, Địa chỉ: Khu Tổ 82, Phường K, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 35 phút ngày 26/1/2019 tại nhà ở của Nguyễn Thị T tổ công tác Tộc Phòng cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Phú Thọ phối hợp cùng Công an huyện Cẩm Khê và chính quyền địa phương bắt quả tang Nguyễn Thị T đang sử dụng 01 chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen lắp sim số 0915367404 để bán số lô, số đề cho Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T2 cùng nhiều người khác, với tổng số tiền bán lô, đề là 18.598.000đ và đang chuyển bảng lô đề cho Trịnh Thị T1. Vật chứng T giữ của Nguyễn Thị T: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5.920.000đ; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng, lắp sim số 0915367404; 02 tờ giấy kẻ ngang có ghi nhiều số lô, đề trong ngày 26/1/2019 có chữ ký xác nhận của T. Khám xét khẩn cấp nơi ở của T, Cơ quan cảnh sát điều tra T giữ 03 mảnh giấy có ghi nhiều con số, có chữ ký xác nhận của T; 01 máy tính nhãn hiệu Casio màu xanh đen, đã cũ; 05 chiếc bút bi; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt, ốp nhựa màu trắng có lắp sim số 0329212343 và 10.000.000đ. Tại chỗ, T khai nhận: Vào buổi chiều ngày 26/1/2019, T ở nhà và bán số lô, đề cho nhiều người qua đường vào mua trực tiếp, ngoài ra T còn dùng điện thoại lắp sim số 0915367404 nhận tin nhắn mua số lô, đề của Nguyễn Đình T3 với tổng số tiền T mua lô, đề là 1.260.000đ; nhận tin nhắn mua số lô, đề của Hoàng Văn T2 với tổng số tiền T2 mua lô, đề là 5.050.000đ và một số người khác. Sau đó, T dùng số điện thoại của T ở trên gọi đến số điện thoại 0967409367 của Trịnh Thị T1 để đọc chuyển một phần các số lô, đề đã bán được cho T1. Khi T đang ngồi cộng lại số tiền bán lô, đề trong ngày và đối chiếu các số trúng, trượt để thanh toán tiền thì bị Công an tỉnh Phú Thọ phát hiện, bắt quả tang như đã nêu trên.

Cùng ngày, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ đã ra Lệnh giữ người

trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Đình T3. Vật chứng T giữ: 01điện thoại di động Iphone 6S Plus màu hồng ghi, có gắn sim số 0967801970; 01 điện thoại di động HTC One màu ghi bạc có gắn sim số 0983387351.

Đến ngày 27/1/2019, Trịnh Thị T1 đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ đầu thú, khai nhận hành vi đánh bạc của mình. Đồng thời T1 cũng tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C2 màu vàng đen đã qua sử dụng, không gắn sim và 01 thẻ sim có số sêri 8984048000023169817, T1 khai đây là chiếc điện thoại và sim T1 dùng để mua bán số lô, đề với T và T3.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Do ham lợi bất chính nên Trịnh Thị T1 đã lợi dụng vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày để đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề. Nên khoảng giữa tháng 12/2018 T1 thống nhất với Nguyễn Thị T, và Nguyễn Đình T3, nếu có nhu cầu mua bán số lô, số đề thì lập bảng rồi chuyển bảng cho T1 qua tin nhắn, cuộc gọi điện thoại di động hoặc mạng xã hội Zalo để hưởng hoa hồng, tất cả đều đồng ý.

Cách thức mua bán số lô, số đề sát phạt nhau bằng tiền như sau:

Số đề 2 chữ số: Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều số tự nhiên từ 00 đến 99, mức tiền mua tùy ý, rồi chờ đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng vào lúc 18 giờ 15 phút cùng ngày, nếu trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì người mua được trả gấp 70 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề đó, nếu Ta người chơi mất số tiền đã mua.

Số đề 3 chữ số (ba càng): Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều dãy số gồm 3 chữ số tự nhiên bất kỳ từ 0 đến 9 (dãy số từ 000 đến 999). Rồi chờ đối chiếu với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng vào lúc 18 giờ 15 phút cùng ngày, nếu dãy số đã mua trùng với 3 chữ số cuối của giải Đặc biệt thì người mua được trả gấp 350 lần số tiền đã bỏ ra mua số đề đó, nếu Ta người chơi mất số tiền đã mua.

Số lô 2 chữ số: Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều cặp số gồm 2 số tự nhiên bất kỳ (cặp số từ 00 đến 99), mức mua tính theo "điểm", mỗi điểm được bán với giá từ 22.000đ đến 23.000đ. So sánh với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng vào lúc 18 giờ 15 phút cùng ngày; nếu số lô đã mua trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ giải thưởng nào thì người mua trúng lô, khi trúng lô người mua được trả 80.000đ/1điểm, nếu Ta người chơi mất số tiền đã mua.

Lô xiên hai: Người mua tự lựa chọn mua hai số lô ghép lại thành một cặp lô xiên với mức tiền tùy ý. So sánh với kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng vào lúc 18 giờ 15 phút cùng ngày; nếu hai chữ số cuối của các giải thưởng trùng với cả

hai số lô trong cặp lô xiên đã mua thì người mua trúng, khi trúng người mua được trả số tiền gấp 10 lần số tiền đã bỏ ra mua lô xiên trước đó, nếu Ta người chơi mất số tiền đã mua.

Dựa vào cách thức nêu trên T1 thỏa Tận với T và T4 (là thư ký đề), T1 cho thư ký giữ lại 25% tổng số tiền chơi đề ghi trong bảng; còn đối với số lô thì T1 nhận lại của thư ký với giá 22.000đ/1 điểm lô, số tiền chênh lệch từ việc bán lô cho khách thì thư ký được hưởng.

Cách thức mua bán số lô, số đề: Nguyễn Thị T sử dụng điện thoại Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng, lắp sim số 0915367404 để nhận bán lô, số đề qua tin nhắn. Nguyễn Đình T3 sử dụng 01điện thoại di động Iphone 6S Plus màu hồng ghi, có gắn sim số 0967801970; 01 điện thoại di động HTC One màu ghi bạc có gắn sim số 0983387351 và sử dụng mạng xã hội Zalo cài đặt trên điện thoại di động HTC One màu ghi bạc có gắn sim số 0983387351 với nick name "Thanh Thanh" để nhận tin nhắn mua lô, đề của người chơi. Ngoài ra T, T3 còn bán số lô, đề cho những người chơi trực tiếp tới mua số lô, đề. Sau đó T và T3 nhắn tin, hoặc gọi tới số điện thoại 0967406367 của Trịnh Thị T1 hoặc sử dụng mạng xã hội Zalo để gửi tin nhắn tới nick name "Duong" được cài đặt trên chiếc điện thoại Nokia C2 màu vàng đen có gắn sim số 0967409367 của Trịnh Thị T1 để chuyển bảng cho T1.

Khi người mua số lô, số đề hoặc gửi bảng lô đề thì T1, T, T3 đều trả lời tin nhắn với nội dung "OK" để xác nhận việc đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề giữa người bán và người mua số lô, số đề, giữa thư ký với chủ đề đã hoàn thành xong.

Ngày 21/1/2019 T3 bắt đầu bán số lô, đề cho khách nhưng đến ngày 23/1/2019 T3 mới bắt đầu chuyển bảng cho T1. Ngày 23/1/2019 thì T bắt đầu bán số lô, đề cho khách nhưng đến ngày 25/1/2019 thì T mới chuyển bảng lô, đề cho T1.

Cụ thể ngày mua bán và chuyển bảng lô, đề không đủ định lượng để khởi tố như sau:

+ Ngày 21/1/2019: T3 bán số lô, đề cho Bùi Văn V và Bùi Ngọc S. Trong đó, số tiền Vân đánh bạc với T3 là 2.060.000đ; số tiền S đánh bạc với T3 là 2.370.000đ. Bảng lô, đề bán được của ngày 21/1/2019 T3 không chuyển lại cho T1 và ngày này không có người chơi nào trúng lô, đề, nên tổng số tiền T3 đánh bạc ngày 21/1/2019 là 4.430.000đ.

+ Ngày 22/1/2019: T3 tiếp tục bán số lô, đề của V và S, số tiền V đánh bạc với T3 là 860.000đ; số tiền S đánh bạc với T3 là 2.250.000đ. Ngày 22/1/2019 T3 không chuyển lại bảng lô, đề cho T1 và ngày này không có người chơi nào

trúng lô, đề, nên tổng số tiền T3 đánh bạc ngày 22/1/2019 là 3.110.000đ.

Cụ thể hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện trong các ngày mua bán và chuyển bảng lô, đề như sau:

+ Ngày 23/1/2019: T3 bán số lô, đề cho V với số tiền V đánh bạc với T3 là 1.380.000đ, V trúng 3.200.000đ nên tổng số tiền đánh bạc trong ngày 23/1/2019 của V với T3 là 4.580.000đ. S đánh bạc với T3 số tiền là 1.125.000đ, S trúng 4.000.000đ nên tổng số tiền đánh bạc của S với T3 trong ngày 23/1/2019 là 5.125.000đ. Cùng ngày, T3 bán số lô, đề cho Nguyễn Tiến C, với tổng số tiền C đánh bạc với T3 là 2.100.000đ, C không trúng. Ngoài ra T3 còn bán số lô, đề cho một số người chơi khác T3 không nhớ rõ là ai. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của tất cả người chơi trong bảng của T3 ngày hôm đó là 14.070.000đ (trong đó 8.850.000đ là tiền bán lô và 5.220.000đ là tiền bán đề), tổng số tiền trúng trong bảng là 20.800.000đ. T3 chuyển lại toàn bộ bảng này cho T1 nên tổng số tiền đánh bạc của T3 và T1 ngày 23/1/2019 là 34.870.000đ.

Cùng ngày 23/1/2019, T bán số lô, đề cho T2, với số tiền T2 đánh bạc là 300.000đ, ngày này T2 trúng 1.190.000đ nên tổng số tiền T2 đánh bạc với T ngày 23/1/2019 là 1.490.000đ. T không chuyển bảng cho T1.

+ Ngày 24/1/2019:

T3 tiếp tục bán số lô, đề cho S và C. S đánh bạc với T4 số tiền là: 2.250.000đ, S trúng được 4.000.000đ, nên tổng số tiền S đánh bạc với T3 trong ngày này là 6.250.000đ, C đánh bạc với T3 là 3.200.000đ, C không trúng. Ngoài ra T3 còn bán trực tiếp cho một số người chơi khác (T3 không nhớ rõ là ai) với số tiền là 9.170.000đ. Như vậy, tổng số tiền trong bảng ngày hôm đó của T4 là 14.620.000đ (trong đó 8.550.000đ tiền bán lô và 5.220.000đ là tiền bán đề). T3 chuyển toàn bộ bảng lô, đề cho T1, trong bảng của T3 chuyển hôm đó trúng 17.700.000đ, nên tổng số tiền T3 đánh bạc với T1 là 32.320.000đ.

Cùng ngày, T3 còn nhắn tin mua số lô, đề của T với số tiền đánh bạc là 1.360.000đ và T3 trúng được 6.500.000đ, tổng số tiền T3 đánh bạc với T ngày 24/1/2019 là 7.860.000đ.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc trong ngày 24/1/2019 của Nguyễn Đình T3 là 40.180.000đ.

Trong ngày 24/1/2019, T bán số lô, đề cho T2 với tổng số tiền T2 mua lô, đề là 1.580.000đ, T2 trúng 3.900.000đ nên tổng số tiền T2 đánh bạc với T là 5.480.000đ. T bán số lô, đề cho Nguyễn Văn T5, sinh năm 1997 ở xã H, huyện C với số tiền đánh bạc là 300.000đ, ngày này T5 không trúng.

Như vậy, tổng số tiền T sử dụng vào mục đích đánh bạc trong ngày 24/1/2019 là 13.640.000đ.

+ Ngày 25/1/2019:

T3 bán số lô, đề cho S với tổng số tiền đánh bạc là 2.250.000đ, cho C với tổng số tiền đánh bạc là 1.100.000đ, ngày này cả S và C đều không trúng. Cùng ngày, T3 bán số lô, đề cho Nguyễn Thị H với số tiền đánh bạc là 1.230.00đ, H trúng được 800.000đ nên tổng số tiền H đánh bạc với T3 là 2.030.000đ, ngoài ra T3 còn bán cho một số người chơi khác nữa với số tiền đánh là: 7.120.000đ. Tổng số tiền đánh bạc trong bảng của T3 ngày 25/1/2019 là 11.700.000đ (trong đó 6.480.000đ tiền bán lô và 5.220.000đ là tiền bán đề), tổng số tiền trúng trong bảng này là 2.400.000đ. T3 chuyển toàn bộ bảng cho T1 nên tổng số tiền đánh bạc của T3 với T1 ngày này là 14.100.000đ. Tổng số tiền đánh bạc của T4 là: 14.100.000đ

Trong ngày 25/1/2019, T bán số lô, đề cho T2 với số tiền đánh bạc của T2 là 2.410.000đ, T2 trúng 9.000.000đ, nên tổng số tiền đánh bạc của T2 với T là 11.410.000đ. Cùng ngày, T bán số lô, đề cho Hà Văn Q, sinh năm 1979 ở xã S, huyện C với tổng số tiền Q đánh bạc với T là 240.000đ, ngày này Q không trúng. Ngoài ra T còn bán số lô đề cho một số người chơi khác nữa nhưng T không nhớ rõ với số tiền là: 16.196.000đ, tổng số tiền đánh bạc trong bảng của T ngày này là 18.846.000đ, tổng số tiền trúng trong bảng là 26.930.000đ. Ngày 25/1/2019, T chỉ chuyển một phần số đề bán được cho T1 tương tứng với số tiền đánh bạc là 540.000đ, bảng này không có số nào trúng, nên tổng số tiền T1 đánh bạc với T ngày hôm đó là 540.000đ, tổng số tiền T đánh bạc trong ngày là 45.776.000đ.

Như vậy, tổng số tiền T1 đánh bạc với T4 và T trong ngày 25/1/2019 là 14.640.000đ.

+ Ngày 26/1/2019:

T3 bán số lô, đề cho S với số tiền đánh bạc là 2.250.000đ, bán cho C với số tiền đánh bạc là 1.600.000đ, bán cho Hợp với số tiền đánh bạc là 1.575.000đ, cả ba người chơi trên ngày này đều không trúng. T3 bán số lô, đề cho V với số tiền đánh bạc là 1.380.000đ, V trúng được 2.400.000đ, nên tổng số tiền đánh bạc của V với T3 là 3.780.000đ. Ngoài ra T3 còn bán số lô, đề cho những người chơi khác với số tiền đánh bạc là: 6.117.000đ. Tổng số tiền đánh bạc trong bảng của T3 là 12.917.000đ, số tiền trúng trong bảng là 11.200.000đ. T3 chuyển toàn bộ bảng cho T1 nên tổng số tiền đánh bạc của T3 với T1 ngày 26/1/2019 là 24.117.000đ.

Cùng ngày, T3 còn nhắn tin mua các số lô, đề của T với số tiền đánh bạc là 1.260.000đ và trúng được số tiền 5.600.000đ. Như vậy, tổng số tiền T3 đánh bạc với T là 6.860.000đ.

Như vậy, tổng số tiền T3 đánh bạc trong ngày 26/1/2019 là 30.977.000đ.

Trong ngày 26/1/2019, T bán số lô, đề cho T2 với số tiền đánh bạc là 5.050.000đ, T2 trúng 2.400.000đ, tổng số tiền T2 đánh bạc với T trong ngày này là 7.450.000đ. T bán số lô, đề cho Q với số tiền đánh bạc là 260.000đ, Q không trúng; của T4 với số tiền đánh bạc là 875.000đ, T4 trúng 2.000.000đ, nên tổng số tiền T4 đánh bạc với T là 2.875.000đ. Ngoài ra, T còn bán số lô, đề cho một số người chơi khác với số tiền là: 12.413.000đ. Tổng số tiền đánh bạc trong bảng lô, đề là 18.598.000đ, tổng số tiền trúng trong bảng là 11.150.000đ. Tuy nhiên, T chỉ chuyển một phần bảng lô, đề cho T1 với tổng số tiền đánh bạc trong bảng chuyển cho T1 là 9.870.000đ, số tiền trúng trong bảng chuyển này là 6.150.000đ. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của T1 với T là 16.020.000đ, tổng số tiền đánh bạc của T trong ngày 26/1/2019 là 29.748.000đ.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc trong ngày 26/1/2019 của T1 với T4 và T là 40.137.000đ.

Việc thanh toán tiền giữa người chơi bạc với T, T3 từ ngày 21/1/2019 đến ngày 25/1/2019 đều đã được thực hiện xong, riêng ngày 26/1/2019, T mới thanh toán xong với T2; T3 mới thanh toán xong với S, còn những người chơi khác T và T3 chưa thanh toán. Việc thanh toán tiền giữa T1 với T và T3 từ ngày 21/1/2019-25/1/2019 đã được thực hiện xong, riêng ngày 26/1/2019 các bên chưa thực hiện việc thanh toán tiền với nhau.

Vật chứng T giữ trong vụ án:

+ Vật chứng T giữ khi bắt quả tang: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5.920.000đ; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng, lắp sim số 0915367404; 02 tờ giấy kẻ ngang có ghi nhiều số lô, đề trong ngày 26/1/2019 có chữ ký xác nhận của T.

+ T giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị T: 03 mảnh giấy có ghi nhiều con số, có chữ ký xác nhận của T; 01 máy tính nhãn hiệu Casio màu xanh đen, đã cũ; 05 chiếc bút bi; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt, ốp nhựa sau màu trắng có lắp sim số 0329212343 và 10.000.000đ.

+ Vật chứng T giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Đình T3: 01điện thoại di động Iphone 6S Plus màu hồng ghi, có gắn sim số 0967801970; 01 điện thoại di động HTC One màu ghi bạc có gắn sim số 0983387351.

+ T giữ của Trịnh Thị T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C2 màu vàng đen đã qua sử dụng, không gắn sim và 01 thẻ sim có số sêri 8984048000023169817.

+ T giữ của Bùi Ngọc S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu

xanh đen đã cũ, có gắn sim số 0989270888.

+ T giữ của Hoàng Văn T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen, đã cũ, có gắn sim số 0367363082.

Như vậy số tiền các bị cáo đánh bạc cụ thể như sau:

Ngày 23/01/2019: Tổng số tiền đánh bạc của T1 và T3 là 34.870.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của S là 5.125.000đ

Ngày 24/01/2019: Tổng số tiền đánh bạc của T1 là 32.320.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của T3 là 40.180.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của T là 13.640.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của S là 6.250.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của T2 là 5.480.000đ.

Ngày 25/01/2019: Tổng số tiền đánh bạc của T1 là 14.640.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của T3 là 14.100.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của T là 45.776.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của T2 là 11.410.000đ.

Ngày 26/01/2019: Tổng số tiền đánh bạc của T1 là 40.137.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của T3 là 30.977.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của T là 29.748.000đ; Tổng số tiền đánh bạc của T2 là 7.450.000đ.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt, ốp nhựa sau màu trắng có lắp sim số 0329212343 là của anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991(là cháu của T) ở khu 5 xã H, huyện C, do chiếc điện thoại này không liên quan tới việc đánh bạc nên ngày 01/2/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra cũng xác định số tiền 10.000.000đ T giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị T là của anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1990 ở khu 5 xã H, huyện C (là con trai T), số tiền này không liên quan đến việc đánh bạc nên ngày 22/4/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho anh C là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Đối với Bùi Văn V - sinh năm 1964, địa chỉ: khu Đ, xã H, huyện C, Nguyễn Tiến C, sinh năm 1981 ở khu Đ, xã H, huyện C; Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 ở tổ 82, phường K, quận Đ, Hà Nội, Hà Văn Q, sinh năm 1979 ở xã S huyện C, tỉnh Phú Thọ và bị cáo Bùi Ngọc S, bị cáo Hoàng Văn T2 có hành vi đánh bạc ngày 21/01/2019, 22/01/2019, 23/01/2019 và bị cáo Nguyễn Đình T3 ghi lô đề vào ngày 21/01/2019, ngày 22/01/2019, và bị cáo Nguyễn Thị T ghi lô đề vào ngày 23/01/2019, nhưng các lần đánh bạc của V, C, H, bị cáo T3, bị cáo T, bị cáo T2, bị cáo S không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với V, C, H, bị cáo T3, bị cáo T, bị cáo T2 và bị cáo S là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã trình bày ở trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về phương thức, thủ đoạn phạm tội và phù hợp với vật chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 17/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố các bị cáo Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T2 và Bùi Ngọc S về tội "Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo trên phạm tội "Đánh bạc":

Áp dụng khoản 1,2 Điều 36, điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1,3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T1; Áp dụng khoản 1,2 Điều 36, điểm i,s khoản 1Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1,3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình T3, Bùi Ngọc S và Hoàng Văn T2; Áp dụng khoản 1,2 Điều 36, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1,3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T. Xử phạt:

Bị cáo Trịnh Thị T1 từ 30 đến 36 tháng cải tại không giam giữ;

Bị cáo Nguyễn Đình T3 từ 26 đến 36 tháng cải tại không giam giữ;

Bị cáo Nguyễn Thị T 36 tháng cải tại không giam giữ;

Bị cáo Hoàng Văn T2 từ 15 đến 18 tháng cải tại không giam giữ;

Bị cáo Bùi Ngọc S từ 12 đến 15 tháng cải tại không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung

Bị cáo Trịnh Thị T1 số tiền 30.000.000đ;

Bị cáo Nguyễn Đình T3 số tiền 20.000.000đ đến 25.000.000đ;

Bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000đ;

Bị cáo Hoàng Văn T2 số tiền 10.000.000đ;

Bị cáo Bùi Ngọc S số tiền 10.000.000đ.

Miễn khấu trừ T nhập đối với các bị cáo

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Tài sản của bị cáo Trịnh Thị T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia

C2 màu vàng đen đã qua sử dụng, không gắn sim là công cụ phương tiện phạm tội, nên cần tịch T sung quỹ nhà nước; Còn 01 thẻ sim có số sêri 8984048000023169817 không còn giá trị sử dụng, nên tịch T để tiêu hủy.

2. Tài sản của bị cáo Nguyễn Đình T3: Tịch T sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu hồng ghi và 01 điện thoại di động HTC One màu ghi bạc là phương tiện, công cụ phạm tội. Còn 02 phôi sim số 0967801970 và 0983387351 không còn giá trị sử dụng, nên tịch T để tiêu hủy.

3. Tài sản của bị cáo Nguyễn Thị T: Số tiền 5.920.000đ là tiền bị cáo T thu lời bất chính, cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị T nhưng là phương tiện công cụ phạm tội, nên tịch thu sung quỹ nhà nước; 01 phôi sim số 0915367404 và 02 tờ giấy kẻ ngang có ghi nhiều số lô, đề trong ngày 26/1/2019 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị T; 03 mảnh giấy có ghi nhiều con số có chữ ký xác nhận của T; 05 chiếc bút bi, 01 máy tính nhãn hiệu Casio màu xanh đen đã cũ, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu để tiêu hủy.

4. Tài sản của bị cáo Hoàng Văn T2: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen, đã cũ là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Còn 01 phôi sim số 0367363082, tịch thu để tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng .

5. Tài sản của bị cáo Bùi Ngọc S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen đã cũ là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Còn 01 phôi sim số 0989270888, tịch thu để tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng .

6. Xác nhận anh Nguyễn Văn D đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt, ốp nhựa sau màu trắng có lắp sim số 0329212343.

7. Xác nhận anh Nguyễn Ngọc C đã nhận lại số tiền 10.000.000đ.

8. Truy thu để tịch thu số tiền T lời bất chính của các bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan dùng để đánh bạc, cụ thể:

8.1. Truy thu để tịch thu của bị cáo Trịnh Thị T1 số tiền 54.930.000đ.

8.2. Truy thu để tịch thu của bị cáo Nguyễn Đình T3 số tiền 51.987.000đ.

8.3. Truy thu để tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 24.359.000đ.

8.4. Truy thu để tịch thu của bị cáo Hoàng Văn T2 số tiền 16.490.000đ.

8.5. Truy thu để tịch thu của bị cáo Bùi Ngọc S số tiền 8.000.000đ.

8.6. Truy thu để tịch thu của anh Bùi Văn V số tiền 3.200.000đ.

8.7. Truy thu để tịch thu của chị Nguyễn Thị H số tiền 800.000đ.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố và không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng hình sự*: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về căn cứ buộc tội*: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình vào trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2019 đến ngày 26/01/2019 Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T2 và Bùi Ngọc S đã có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức mua, bán số lô, đề với các lần có số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc đủ định lượng cấu thành tội phạm, cụ thể như sau: Ngày 23/01/2019: Tổng số tiền đánh bạc của Trịnh Thị T1 và Nguyễn Đình T3 là 34.870.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Bùi Ngọc S là 5.125.000đ; Ngày 24/01/2019: Tổng số tiền đánh bạc của Trịnh Thị T1 là 32.320.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Đình T3 là 40.180.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị T là 13.640.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Bùi Ngọc S là 6.250.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Hoàng Văn T2 là 5.480.000đ; Ngày 25/01/2019: Tổng số tiền đánh bạc của Trịnh Thị T1 là 14.640.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Đình T3 là 14.100.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị T là 45.776.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Hoàng Văn T2 là 11.410.000đ; Ngày 26/01/2019: Tổng số tiền đánh bạc của Trịnh Thị T1 là 40.137.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Đình T3 là 30.977.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị T là 29.748.000đ, tổng số tiền đánh bạc của Hoàng Văn T2 là 7.450.000đ. Xét lời nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài

liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T2 và Bùi Ngọc S đã phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định: "*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được Ta bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 5.000.000đ nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*."

[3]. *Về tính chất hành vi phạm tội:* Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự cộng cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, vì vậy cần phải xử phạt nghiêm để trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa trong xã hội, làm gương cho người khác.

[4]. *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo là người có hiểu biết xã hội, nhưng không chịu làm ăn chính đáng mà lại rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, người thắng thì được tiền, người thua thì mất tiền, tất cả thắng hay thua đều là trái pháp luật, nên các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo gây ra. Lần phạm tội này các bị cáo Trịnh Thị T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T2 và Bùi Ngọc S được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu tthuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo Trịnh Thị T1 được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự là bố, mẹ bị cáo được tặng Huân, Huy chương kháng chiến, bị cáo được tặng thưởng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục và bị cáo T1 tự nguyện đầu thú. Bị cáo Nguyễn Thị T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s,v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng hội phụ nữ được tặng giấy khen và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là bố, mẹ bị cáo được tặng Huân chương và Bằng khen kháng chiến, chồng bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến công. Các bị cáo đều phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, nên chưa

cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội.

[5]. *Về hình phạt bổ sung và khấu trừ T nhập*:

Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự còn quy định: người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ. Áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T1 và T mỗi bị cáo 20.000.000đ; Bị cáo T3, T2 và S mỗi bị cáo 10.000.000đ.

Khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự quy định khấu trừ T nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Xét thấy nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[6]. *Về xử lý vật chứng:*

Các tài sản thu giữ của 05 bị cáo đều là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần phải tịch thu, các tài sản đã trả cho chủ sở hữu thì xác nhận, tiền thu lời bất chính thì cần Truy thu để tịch thu, cụ thể:

6.1. Tài sản thu của bị cáo thu: Số tiền 5.920.000đ là tiền bị cáo Nguyễn Thị T dùng để đánh bạc và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng nên tịch T sung quỹ nhà nước; 01 phôi sim số 0915367404 và 02 tờ giấy kẻ ngang có ghi nhiều số lô, đề trong ngày 26/1/2019 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị T không còn giá trị sử dụng, nên tịch T để tiêu hủy.

Tài sản khác thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị T: 03 mảnh giấy có ghi nhiều con số, có chữ ký xác nhận của T; 01 máy tính nhãn hiệu Casio màu xanh đen, đã cũ; 05 chiếc bút bi không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.

6.2. Tài sản thu của Nguyễn Đình T3: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu hồng ghi và 01 điện thoại di động HTC One màu ghi bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Còn 02 phôi sim số 0967801970 và 0983387351 không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu để tiêu hủy.

6.3. Tài sản thu của Trịnh Thị T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C2 màu vàng đen đã qua sử dụng nên tịch thu sung quỹ nhà nước; Còn 01 thẻ sim có số sêri 8984048000023169817 không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu để tiêu hủy.

6.4. Tài sản thu của Bùi Ngọc S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen đã cũ nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Còn 01 phôi sim số 0989270888 không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu để tiêu hủy.

6.5. Tài sản thu của Hoàng Văn T2: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen, đã cũ nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Còn 01 phôi sim số

0367363082, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu để tiêu hủy.

6.6. Xác nhận anh Nguyễn Văn D đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt, ốp nhựa sau màu trắng có lắp sim số 0329212343

6.7. Xác nhận anh Nguyễn Ngọc C đã nhận lại số tiền 10.000.000đ.

6.8. Truy thu để tịch thu số tiền thu lời bất chính của các bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan dùng để đánh bạc, cụ thể:

6.8.1. Truy thu để tịch thu của bị cáo Trịnh Thị T1 số tiền 54.930.000đ, trong đó: Ngày 23/01/2019 số tiền 8.850.000đ số lô T3 chuyển và 3.915.000đ là 75% số đề T3 chuyển; Ngày 24/01/2019 số tiền 10.200.000đ số lô T3 chuyển và 3.315.000đ là 75% số đề T3 chuyển; Ngày 25/01/2019 số tiền 6.480.000đ số lô T3 chuyển, 3.915.000đ là 75% số đề T3 chuyển và 405.000đ là 75% số đề T chuyển. Ngày 26/01/2019 số tiền 11.700.000đ Bảng đề T3 trúng chưa chuyển và 6.150.000đ Bảng đề T trúng chưa chuyển.

6.8.2. Truy thu để tịch thu của bị cáo Nguyễn Đình T3 số tiền 51.987.000đ, trong đó: Ngày 23/01/2019 số tiền 1.305.000đ là 25% tiền đề T1 chuyển lại và 13.600.000đ người khác trúng đề không xác định được; Ngày 24/01/2019 số tiền 1.105.000đ là 25% tiền đề T1 chuyển lại, 13.700.000đ người khác trúng đề không xác định được và 6.500.000đ tiền trúng đề đánh với T; Ngày 25/01/2019 số tiền 1.600.000đ người khác trúng đề không xác định được; Ngày 26/01/2019 số tiền 12.917.000đ Bảng đề chưa chuyển cho T1 và 1.260.000đ tiền đánh đề chưa trả cho T.

6.8.3. Truy thu để tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 24.359.000đ, trong đó: Ngày 24/01/2019 số tiền 3.240.000đ tiền đề do T3, T2, Tận đánh lô đề; Ngày 25/01/2019 số tiền 18.306.000đ tiền bán lô đề và số tiền 135.000đ là 25% tiền đề T1 chuyển lại; Ngày 26/01/2019 số tiền 12.678.000đ là tiền bán lô đề còn lại sau khi đã bị T số tiền 5.920.000đ.

6.8.4. Truy thu để tịch thu của bị cáo Hoàng Văn T2 số tiền 16.490.000đ là tiền trúng đề đánh với bị cáo Nguyễn Thị T trong đó: ngày 23/01/2019 trúng 1.190.000đ; Ngày 24/01/2019 số tiền 3.900.000đ; Ngày 25/01/2019 số tiền 9.000.000đ; Ngày 26/01/2019 số tiền 2.400.000đ.

6.8.5. Truy thu để tịch thu của bị cáo Bùi Ngọc S số tiền 8.000.000đ là tiền trúng đề đánh với bị có Nguyễn Đình T3 trong đó: Ngày 23/01/2019 trúng 4.000.000đ; Ngày 24/01/2019 trúng 4.000.000đ.

6.8.6. Truy thu để tịch thu của anh Bùi Văn Vân số tiền 3.200.000đ là tiền trúng đề đánh với bị cáo Nguyễn Đình T3 ngày 23/01/2019.

6.8.7. Truy thu để tịch thu của chị Nguyễn Thị Hợp số tiền 800.000đ là tiền trúng đề đánh với bị cáo Nguyễn Đình T3 ngày 25/01/2019.

[7]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T2 và Bùi Ngọc S phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1,2 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Thị T1.

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1,2 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T2 và Bùi Ngọc S.

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Khoản 1,2 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Xử phạt:

- Trịnh Thị T1 36 (Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trịnh Thị T1 cho UBND xã Pc, huyện C, tỉnh Phú Thọ, giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND xã P, huyện C trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

- Nguyễn Thị T 34 (Ba mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 26/01/2019 đến ngày 01/02/2019) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Nguyễn Đình T3 28 (Hai mươi tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 26/01/2019 đến ngày 01/02/2019) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Hoàng Văn T2 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải

tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Bùi Ngọc S 15(Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T2 và Bùi Ngọc S cho UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ, giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H, huyện C trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung:

- Phạt bị cáo Trịnh Thị T1 và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước

- Phạt bị cáo Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T2 và Bùi Ngọc S mỗi bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Về khấu trừ T nhập: Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

6.1. Tịch thu tài sản của bị cáo Trịnh Thị T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia C2 màu vàng đen đã qua sử dụng để sung quỹ nhà nước; 01 thẻ sim có số sêri 8984048000023169817 để tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng (Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 25/6/2019 giữa Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê).

6.2. Tịch thu tài sản của bị cáo Nguyễn Đình T3: 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu hồng ghi và 01 điện thoại di động HTC One màu ghi bạc để sung quỹ nhà nước; 02 phôi sim số 0967801970 và 0983387351 để tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng (Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 25/6/2019 giữa Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê).

6.3. Tịch thu tài sản của bị cáo Nguyễn Thị T: số tiền 5.920.000đ (Năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng để sung quỹ nhà nước; 01 phôi sim số 0915367404 và 02 tờ giấy kẻ ngang có ghi nhiều số lô, đề trong ngày 26/1/2019 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị T, 03 mảnh giấy có ghi nhiều con số có chữ ký xác nhận của T, 05 chiếc bút bi, 01 máy tính nhãn hiệu Casio màu xanh đen đã cũ để tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng (Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 25/6/2019

giữa Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê).

6.4. Tịch thu tài sản của bị cáo Hoàng Văn T2: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ đen đã cũ để sung quỹ nhà nước; 01 phôi sim số 0367363082 để tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng (Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 25/6/2019 giữa Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê).

6.5. Tịch thu tài sản của bị cáo Bùi Ngọc S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen đã cũ để sung quỹ nhà nước; 01 phôi sim số 0989270888 để tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng (Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 25/6/2019 giữa Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê).

6.6. Xác nhận anh Nguyễn Văn D đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng nhạt, ốp nhựa sau màu trắng có lắp sim số 0329212343 (theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 01/02/2019 của Công an huyện Cẩm Khê).

6.7. Xác nhận anh Nguyễn Ngọc C đã nhận lại số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) (theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 22/4/2019 của Công an huyện Cẩm Khê).

6.8. Truy thu để tịch thu số tiền thu lời bất chính của các bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan dùng để đánh bạc, cụ thể:

6.8.1. Truy thu để tịch thu của bị cáo Trịnh Thị T1 số tiền 54.930.000đ (Năm mươi tư triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

6.8.2. Truy thu để tịch thu của bị cáo Nguyễn Đình T3 số tiền 51.987.000đ (Năm mươi mốt triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

6.8.3. Truy thu để tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 24.359.000đ (Hai mươi tư triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng).

6.8.4. Truy thu để tịch thu của bị cáo Hoàng Văn T2 số tiền 16.490.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

6.8.5. Truy thu để tịch thu của bị cáo Bùi Ngọc S số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

6.8.6. Truy thu để tịch thu của anh Bùi Văn V số tiền 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

6.8.7. Truy thu để tịch thu của chị Nguyễn Thị H số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm

a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T2 và Bùi Ngọc S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm, người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện,tỉnh;
- Công an huyện Cẩm Khê;
- Các bị cáo;
- Người có nghĩa vụ liên quan;
- Thi hành án hình sự ;
- Chi cục thi hành án DS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng